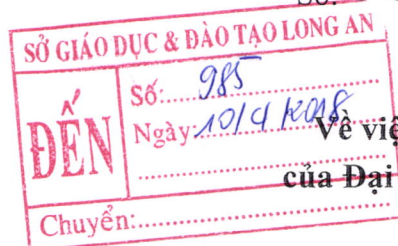


Số: 369 /TB-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 3 năm 2018



## THÔNG BÁO

Về việc xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào các ngành đào tạo  
của Đại học Huế trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2018

Căn cứ Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy và Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 899/BGDĐT-GDĐH ngày 09 tháng 03 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018,

Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế thông báo xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2018 như sau:

### A. Chỉ tiêu và tiêu chí

- Ngành Y khoa của Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển không quá 20 thí sinh;

- Các ngành đào tạo của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế xét tuyển thẳng không giới hạn chỉ tiêu ngành;

- Các ngành đào tạo còn lại xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển không quá 10% chỉ tiêu của ngành.

- Lấy hết chỉ tiêu theo thứ tự ưu tiên: Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển có kết quả thi của tổ hợp môn thi tương ứng đối với ngành đăng ký xét tuyển từ cao xuống thấp; ngoài ra có thể căn cứ thêm kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) quốc gia năm 2018.

- Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển vào ngành đứng trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần.

**Ghi chú:** Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế không thực hiện việc xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào những ngành thuộc khối truyền thống H, M, V.

## **B. Một số quy định xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy của Đại học Huế năm 2018**

### **I. Xét tuyển thẳng**

1. Thí sinh là đối tượng được quy định tại các Điểm a, b, c, d, e, Khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018.

\* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế xét tuyển thẳng đối với các học sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố vào các ngành phù hợp với môn học chuyên hoặc môn đoạt giải nếu đáp ứng điều kiện: Ba năm học THPT chuyên của tỉnh đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức.

- Đối với học sinh trường THPT chuyên có ba năm đạt học sinh giỏi được xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với môn chuyên trong chương trình học THPT: xét theo điểm trung bình của ba năm học THPT từ cao xuống thấp. Nếu nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2018.

- Đối với học sinh trường THPT chuyên đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh dành cho học sinh lớp 12 THPT: Xét theo thứ tự giải từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Các thí sinh đồng giải sẽ xét đến điểm thi học sinh giỏi cấp tỉnh (nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT).

\* Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế xét tuyển thẳng vào các ngành đào tạo, cụ thể tiêu chí như sau:

- Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành đào tạo của trường;

- Thí sinh đoạt giải nhất Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được xét tuyển thẳng vào ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng;

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được xét tuyển thẳng vào các ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Y tế công cộng.

2. Thí sinh là người khiếm thị, có kết quả trung bình cộng học tập 3 năm THPT đạt 6,5 điểm trở lên (học bạ); đủ sức khỏe để học tập (giấy khám sức khỏe do Trung tâm Y tế hoặc bệnh viện cấp huyện trở lên chứng nhận); Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế căn cứ vào Phiếu đăng ký xét tuyển (**Phụ lục 2**) quyết định cho vào học các ngành học có tổ hợp môn xét tuyển: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (**C00**) của Trường Đại học Khoa học hoặc Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế.

3. Thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học tại các trường đại học thành viên, các khoa trực thuộc, Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị: Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế căn cứ vào kết quả học tập THPT của thí sinh (học bạ), đủ

sức khỏe để học tập (giấy khám sức khỏe do Trung tâm Y tế hoặc bệnh viện cấp huyện trở lên chứng nhận), có đủ khả năng về tài chính để học tập, nghiên cứu và sinh hoạt, có kết quả kiểm tra kiến thức và trình độ tiếng Việt do Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế tổ chức hoặc Chứng chỉ tiếng Việt bậc sơ cấp trở lên để xem xét, quyết định cho vào học.

- Thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế ngoài các tiêu chí nêu trên, thí sinh phải đạt các điều kiện sau:

+ Đối với các ngành: Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Răng- Hàm- Mặt, Dược học, thí sinh tốt nghiệp THPT phải đạt loại giỏi trở lên; trong năm học cuối cấp THPT, các môn học trong tổ hợp môn xét tuyển vào ngành học phải đạt điểm giỏi trở lên và được xếp loại hạnh kiểm tốt.

+ Đối với các ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Y tế công cộng, thí sinh tốt nghiệp THPT phải đạt loại khá trở lên; trong năm học cuối cấp THPT, các môn học trong tổ hợp môn xét tuyển vào ngành học phải đạt điểm khá trở lên và được xếp loại hạnh kiểm tốt.

+ Thí sinh phải được sự đồng ý giới thiệu đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo nước sở tại.

#### **Lưu ý:**

- Các ngành thuộc Khoa Giáo dục Thể chất (khối T), yêu cầu thí sinh có thể hình cân đối; không bị dị hình, dị tật; nam cao 1,65m và nặng 45kg trở lên; nữ cao 1,55m và nặng 40kg trở lên;

- Các ngành sư phạm không tuyển những thí sinh dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

- Các ngành đào tạo của Trường Đại học Sư phạm: Xếp loại hạnh kiểm của ba năm học lớp 10, 11 và 12 phải đạt từ loại khá trở lên (căn cứ theo học bạ THPT).

4. Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại Điểm i, Khoản 2, Điều 7, Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018.

#### **a) Điều kiện xét tuyển**

- Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ.

- Đủ điều kiện xét tuyển đối với các ngành đào tạo theo quy định tại điểm b của mục này.

Những thí sinh được xét tuyển phải học bổ sung kiến thức 1 năm học theo chương trình dự bị đại học trước khi vào học chính thức theo trường, ngành đăng ký xét tuyển.

b) Danh mục các ngành đào tạo đăng ký xét tuyển thẳng và điều kiện tương ứng:

| STT | Trường                  | Ngành đào tạo                                                          | Điều kiện xét tuyển                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Trường Đại học Y Dược   | Y học dự phòng                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm trung bình các môn Toán, Hóa, Sinh của 3 năm học lớp 10, 11, 12 đạt loại giỏi trở lên;</li> <li>- Học lực 3 năm học lớp 10, 11, 12 đạt loại giỏi trở lên;</li> <li>- Hạnh kiểm 3 năm học lớp 10, 11, 12 đạt loại khá trở lên.</li> </ul> |
|     |                         | Y học cổ truyền                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Điều dưỡng                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Y tế công cộng                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 2   | Trường Đại học Sư phạm  | Tất cả các ngành đào tạo đại học ( <b>trừ ngành Giáo dục Mầm non</b> ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tuyển thí sinh dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp;</li> <li>- Học lực 3 năm học lớp 10, 11, 12 đạt loại khá trở lên;</li> <li>- Hạnh kiểm 3 năm học lớp 10, 11, 12 đạt loại khá trở lên.</li> </ul>                                    |
| 3   | Trường Đại học Nông Lâm | Tất cả các ngành đào tạo đại học                                       | - Học lực 3 năm học lớp 10, 11, 12 đạt loại trung bình (TB) trở lên.                                                                                                                                                                                                                   |
| 4   | Trường Đại học Khoa học | Tất cả các ngành đào tạo đại học ( <b>trừ ngành Kiến trúc</b> )        | - Học lực 3 năm học lớp 10, 11, 12 đạt loại TB trở lên.                                                                                                                                                                                                                                |
| 5   | Trường Đại học Kinh tế  | Kinh tế                                                                | - Học lực 3 năm học lớp 10, 11, 12 đạt loại TB trở lên.                                                                                                                                                                                                                                |
|     |                         | Kinh tế nông nghiệp                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Kinh doanh nông nghiệp                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Hệ thống thông tin quản lý                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Thống kê kinh tế                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Kinh tế chính trị                                                      | - Học lực 3 năm học lớp 10, 11, 12 đạt loại khá trở lên.                                                                                                                                                                                                                               |
|     |                         | Quản trị kinh doanh                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Kinh doanh thương mại                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Marketing                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Quản trị nhân lực                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                         | Thương mại điện tử                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

|   |                                        |                                     |                                                             |
|---|----------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 6 | Trường<br>Đại học Luật                 | Luật                                | - Học lực 3 năm học lớp 10, 11,<br>12 đạt loại khá trở lên. |
|   |                                        | Luật kinh tế                        |                                                             |
| 7 | Khoa Du lịch                           | Tất cả các ngành đào tạo<br>đại học | - Học lực 3 năm học lớp 10, 11,<br>12 đạt loại TB trở lên.  |
| 8 | Phân hiệu Đại học<br>Huế tại Quảng Trị | Tất cả các ngành đào tạo<br>đại học | - Học lực 3 năm học lớp 10, 11,<br>12 đạt loại TB trở lên.  |

## II. Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào các ngành đào tạo của Đại học Huế.

1. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đã tốt nghiệp THPT, có môn đoạt giải trùng với môn thuộc tổ hợp môn thi của ngành đăng ký ưu tiên xét tuyển, sau khi hoàn thành kỳ thi THPT quốc gia năm 2018, có kết quả thi của tổ hợp môn thi tương ứng đối với ngành xét tuyển đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định đối với các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên; đối với các ngành khác phải đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế quy định, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào ngành đào tạo mà thí sinh đăng ký trong hồ sơ ưu tiên xét tuyển.

2. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT, sau khi hoàn thành kỳ thi THPT quốc gia năm 2018, có kết quả thi của tổ hợp môn thi tương ứng đối với ngành xét tuyển đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định đối với các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên; đối với các ngành khác phải đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế quy định, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế căn cứ vào kết quả dự án, đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật của thí sinh để xem xét, quyết định cho vào học ngành đào tạo mà thí sinh đăng ký trong hồ sơ ưu tiên xét tuyển.

3. Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Ủy ban Thể dục thể thao (TDTT) có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia, đã tốt nghiệp THPT, sau khi hoàn thành kỳ thi THPT quốc gia năm 2018, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, thể hình cân đối, không bị dị hình, dị tật, nam cao 1,65m và nặng 45kg trở lên; nữ cao 1,55m và nặng 40kg trở lên, được ưu tiên xét tuyển vào các ngành của Khoa Giáo dục Thể chất mà thí sinh đăng ký trong hồ sơ ưu tiên xét tuyển. Những thí sinh thuộc diện ưu tiên xét tuyển được miễn thi môn năng khiếu, điểm môn năng khiếu được tính 10 điểm.

Các ngành sư phạm không tuyển những thí sinh dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

Điều kiện để ưu tiên xét tuyển vào các ngành đào tạo của Trường Đại học Sư phạm: Điểm hạnh kiểm của 3 năm học lớp 10, 11 và 12 phải đạt từ loại khá trở lên (căn cứ theo học bạ THPT).

**Ghi chú:** Đối với hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào các ngành của Khoa Giáo dục thể chất, thí sinh phải nộp hồ sơ và các loại Giấy chứng nhận đoạt giải (theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018) trước ngày Đại học Huế tổ chức thi năng khiếu (ngày 01/7/2018) và phải đủ điều kiện về thể hình theo quy định.

### **C. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển**

#### **I. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng:**

1. Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các Điểm a,b,c,d,e, Khoản 2 Điều 7 Quy chế tuyển sinh gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (**Phụ lục 3**);
- Ít nhất một trong các bản photocopy sau: Chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GD&ĐT); Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia và Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;
- Hai phong bì dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

Những hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng không đúng quy định nói trên xem như không hợp lệ.

Sau khi có kết quả trúng tuyển của Đại học Huế, thí sinh phải nộp bản chính các giấy chứng nhận đoạt giải nêu trên để xác nhận nhập học trước ngày **23/7/2018** (tính ngày theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh). Quá thời hạn này thí sinh không nộp các giấy tờ quy định vừa nêu trên xem như từ chối nhập học.

2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng đối với thí sinh trường THPT chuyên thuộc diện xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy chế tuyển sinh gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (**Phụ lục 5**);
- Bản photocopy Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh;
- Hai phong bì dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

Những hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng không đúng quy định nói trên xem như không hợp lệ.

Sau khi có kết quả trúng tuyển của Đại học Huế, thí sinh phải nộp bản chính các giấy chứng nhận đoạt giải nêu trên để xác nhận nhập học trước ngày **23/7/2018**

(tính ngày theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh). Quá thời hạn này thí sinh không nộp các giấy tờ quy định vừa nêu trên xem như từ chối nhập học.

3. Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại Điểm i, Khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (**Phụ lục 4**);
- Bản sao hợp lệ học bạ 3 năm học THPT;
- Hai phong bì dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;
- Bản sao hợp lệ hộ khẩu thường trú.

4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng đối với thí sinh là người nước ngoài: Thực hiện theo Điều 7, chương II của Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Đại học Huế (Ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-ĐHH ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Giám đốc Đại học Huế).

5. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng đối với thí sinh là người khiếm thị:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (**Phụ lục 2**);
- Bản sao hợp lệ học bạ 3 năm THPT;
- Giấy chứng nhận sức khỏe;
- Hai phong bì dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

## **II. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển**

- Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (**Phụ lục 6**);
- Ít nhất một trong các bản photocopy sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế, quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế, quốc gia về thể dục thể thao;
- Hai phong bì dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

Những hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển không đúng quy định nói trên xem như không hợp lệ.

## **III. Thời gian nhận hồ sơ**

1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Thí sinh làm hồ sơ nộp tại Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày **20/5/2018**.

2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng đối với thí sinh là người khiếm thị: Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học Huế, số 01 Điện Biên Phủ, TP Huế trước ngày **10/6/2018**.

3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng đối với thí sinh là người nước ngoài: Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Công tác học sinh, sinh viên Đại học Huế, số 04 Lê Lợi, TP Huế trước ngày **10/8/2018**.

## **D. Trách nhiệm của các sở Giáo dục và Đào tạo**

Trước ngày 01 tháng 6 năm 2018, đề nghị các Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển kèm theo danh sách (**Phụ lục 7, 8**,

10) và file dữ liệu cho Đại học Huế tại địa chỉ: Ban Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học Huế, số 01 Điện Biên Phủ, TP Huế; Điện thoại liên hệ: 0234.3828493; Email: [tuvantuyensinh@hueuni.edu.vn](mailto:tuvantuyensinh@hueuni.edu.vn).

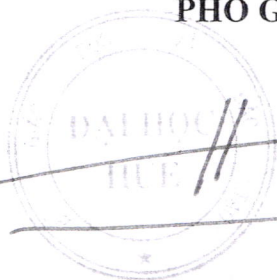
Riêng hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng của thí sinh thuộc diện quy định tại Điểm i, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh kèm theo danh sách (**Phụ lục 9**) và file dữ liệu đề nghị các Sở Giáo dục và Đào tạo gửi cho Đại học Huế theo địa chỉ: Ban Công tác học sinh, sinh viên Đại học Huế, số 04 Lê Lợi, TP Huế; Điện thoại liên hệ: 0234.3831182; Email: [dvphong@hueuni.edu.vn](mailto:dvphong@hueuni.edu.vn).

Sau khi có kết quả công nhận tốt nghiệp, đề nghị các Sở Giáo dục và Đào tạo thông tin lại những thí sinh hỏng tốt nghiệp để Đại học Huế có cơ sở báo gọi nhập học đối với những thí sinh được xét tuyển./. *mas*

**Nơi nhận:**

- Thông báo trên các phương tiện thông tin;
- Các Sở Giáo dục & Đào tạo;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế;
- Ban Công tác HSSV;
- Lưu: VT, Ban KT&ĐBCLGD.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Văn Chương**

**Phụ lục 1:**  
**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC HUẾ**

**DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
**THÍ SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI**  
*( Kèm theo Thông báo số 369 /TB-ĐHH ngày 30 tháng 3 năm 2018*  
*của Giám đốc Đại học Huế)*

| STT | Tên môn thi học sinh giỏi | Tên ngành đào tạo                            | Mã ngành |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------|----------|
| 1   | Toán                      | Sư phạm Toán học (*)                         | 7140209  |
|     |                           | Toán học (*)                                 | 7460101  |
|     |                           | Toán ứng dụng (*)                            | 7460112  |
| 2   | Vật lý                    | Sư phạm Vật lý (*)                           | 7140211  |
|     |                           | Vật lý học (*)                               | 7440102  |
|     |                           | Vật lý (đào tạo theo chương trình tiên tiến) | T140211  |
| 3   | Hóa học                   | Sư phạm Hóa học (*)                          | 7140212  |
|     |                           | Hóa học (*)                                  | 7440112  |
|     |                           | Công nghệ thực phẩm                          | 7540101  |
|     |                           | Dược học                                     | 7720201  |
|     |                           | Khoa học môi trường                          | 7440301  |
| 4   | Sinh học                  | Sư phạm Sinh học (*)                         | 7140213  |
|     |                           | Sinh học (*)                                 | 7420101  |
|     |                           | Công nghệ sinh học (*)                       | 7420201  |
|     |                           | Y khoa                                       | 7720101  |
|     |                           | Y học cổ truyền                              | 7720115  |
|     |                           | Răng hàm mặt                                 | 7720501  |
|     |                           | Y học dự phòng                               | 7720110  |
|     |                           | Điều dưỡng                                   | 7720301  |
|     |                           | Kỹ thuật hình ảnh y học                      | 7720602  |
|     |                           | Kỹ thuật xét nghiệm y học                    | 7720601  |
|     |                           | Y tế công cộng                               | 7720701  |
|     |                           | Khoa học môi trường                          | 7440301  |
|     |                           | Khoa học cây trồng                           | 7620110  |
|     |                           | Chăn nuôi                                    | 7620105  |
|     |                           | Lâm học                                      | 7620201  |
|     |                           | Lâm nghiệp đô thị                            | 7620202  |
|     |                           | Quản lý tài nguyên rừng                      | 7620211  |
|     |                           | Nuôi trồng thủy sản                          | 7620301  |
| 5   | Ngữ Văn                   | Sư phạm Ngữ văn (*)                          | 7140217  |
|     |                           | Việt Nam học                                 | 7310630  |

|    |                  |                              |         |
|----|------------------|------------------------------|---------|
|    |                  | Văn học (*)                  | 7229030 |
|    |                  | Báo chí (*)                  | 7320101 |
|    |                  | Ngôn ngữ học (*)             | 7229020 |
| 6  | Lịch sử          | Sư phạm Lịch sử (*)          | 7140218 |
|    |                  | Lịch sử (*)                  | 7229010 |
| 7  | Địa lý           | Địa chất học                 | 7440201 |
|    |                  | Sư phạm Địa lý (*)           | 7140219 |
|    |                  | Địa lý tự nhiên (*)          | 7440217 |
|    |                  | Quốc tế học                  | 7310601 |
|    |                  | Đông phương học              | 7310608 |
| 8  | Tin học          | Sư phạm Tin học (*)          | 7140210 |
|    |                  | Công nghệ thông tin (*)      | 7480201 |
| 9  | Tiếng Anh        | Sư phạm Tiếng Anh (*)        | 7140231 |
|    |                  | Ngôn ngữ Anh (*)             | 7220201 |
|    |                  | Quốc tế học                  | 7310601 |
|    |                  | Đông phương học              | 7310608 |
|    |                  | Ngôn ngữ học                 | 7229020 |
| 10 | Tiếng Nga        | Ngôn ngữ Nga (*)             | 7220202 |
|    |                  | Quốc tế học                  | 7310601 |
|    |                  | Đông phương học              | 7310608 |
|    |                  | Ngôn ngữ học                 | 7229020 |
| 11 | Tiếng Trung Quốc | Sư phạm tiếng Trung Quốc (*) | 7140234 |
|    |                  | Ngôn ngữ Trung Quốc (*)      | 7220204 |
|    |                  | Hán Nôm                      | 7220104 |
|    |                  | Quốc tế học                  | 7310601 |
|    |                  | Đông phương học              | 7310608 |
|    |                  | Ngôn ngữ học                 | 7229020 |
| 12 | Tiếng Pháp       | Sư phạm Tiếng Pháp (*)       | 7140233 |
|    |                  | Ngôn ngữ Pháp (*)            | 7220203 |
|    |                  | Quốc tế học                  | 7310601 |
|    |                  | Đông phương học              | 7310608 |
|    |                  | Ngôn ngữ học                 | 7229020 |

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (\*) là ngành đúng;  
 - Các ngành còn lại là ngành gần.

bas

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC NĂM 2018**

(Dành cho thí sinh khiêm thị)

Ảnh  
4 x 6

1. **Họ và tên của thí sinh** (Viết theo giấy khai sinh bằng chữ in hoa)

..... **Giới** (nữ ghi 1, nam ghi 0) ☐

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối năm sinh**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ó đầu)

ngày

tháng

năm

3. **Nơi sinh** (Ghi rõ xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố)

.....  
.....

4. **Trường đăng ký xét tuyển**

**a. Trường Đại học Khoa học (DHT)**

| Ngành đào tạo | Tổ hợp môn thi           | Mã ngành |
|---------------|--------------------------|----------|
|               | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý |          |

**b. Trường Đại học Luật (DHA)**

| Ngành đào tạo | Tổ hợp môn thi           | Mã ngành |
|---------------|--------------------------|----------|
|               | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý |          |

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi biết rằng, nếu qua kiểm tra mà phát hiện những điểm khai man thì kết quả xét tuyển của tôi có thể không được công nhận và tôi phải chịu trách nhiệm.

**Khi cần báo tin cho ai và theo địa chỉ nào?**.....

.....  
.....**Điện thoại** (nếu có):.....

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12  
trường ..... là đúng sự thật.

Ngày..... tháng.....năm 2018

**Hiệu trưởng**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng.....năm 2018

**Chữ ký thí sinh**

825

Phụ lục 3:

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG  
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018**

*(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại  
các điểm a, b, c, d, e, Khoản 2, Điều 7, Quy chế tuyển sinh)*

Ảnh  
4 x 6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... Giới (nữ ghi 1, nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

*(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)*

ngày

tháng

năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi):.....Email:.....

5. Nơi sinh (tỉnh, thành phố): .....

6. Năm tốt nghiệp THPT:.....

7. Năm đoạt giải:.....

8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương

Môn đoạt giải

Loại giải, loại huy chương

9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 201..... môn: .....

10. Đăng ký xét tuyển thăng vào trường/ngành học:

| Số TT | Mã trường<br>(chữ in hoa) | Mã ngành/nhóm ngành | Tên ngành/nhóm ngành |
|-------|---------------------------|---------------------|----------------------|
| 1     |                           |                     |                      |
| 2     |                           |                     |                      |
| 3     |                           |                     |                      |
| 4     |                           |                     |                      |
| 5     |                           |                     |                      |
| ...   |                           |                     |                      |
| ...   |                           |                     |                      |

11. Địa chỉ báo tin: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường

Ngày ..... tháng ..... năm 2018

..... đã khai đúng sự thật.

Chữ ký của thí sinh

Ngày ..... tháng ..... năm 2018

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4:

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG  
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018**

*(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại  
các điểm i, Khoản 2, Điều 7, Quy chế tuyển sinh)*

Ảnh  
4 x 6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... Giới (nữ ghi 1, nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

*(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)*

ngày

tháng

năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi):.....Email:.....

5. Hộ khẩu thường trú (ghi rõ xã, huyện, tỉnh):.....

6. Dân tộc: .....

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:.....

- Năm lớp 11:.....

- Năm lớp 12:.....

8. Năm tốt nghiệp THPT: .....

9. Học lực: Năm lớp 10:.....; Năm lớp 11: .....; Năm lớp 12:.....

10. Đăng ký xét tuyển thăng vào trường/ngành học:

| Số TT | Mã trường<br>(chữ in hoa) | Mã ngành/nhóm ngành | Tên ngành/nhóm ngành |
|-------|---------------------------|---------------------|----------------------|
| 1     |                           |                     |                      |
| 2     |                           |                     |                      |
| 3     |                           |                     |                      |
| 4     |                           |                     |                      |
| 5     |                           |                     |                      |
| ...   |                           |                     |                      |
| ...   |                           |                     |                      |

11. Địa chỉ báo tin: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường

Ngày ..... tháng ..... năm 2018

.....đã khai đúng sự thật.

Chữ ký của thí sinh

Ngày ..... tháng ..... năm 2018

Hiệu trưởng

*(Ký tên, đóng dấu)*

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG  
VÀO ĐẠI HỌC NĂM 2018**  
(Sử dụng cho thí sinh trường THPT chuyên thuộc diện  
xét tuyển thăng vào Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)  
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

ngày

tháng

năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): .....

Email: .....

5. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):  
.....

6. Tên trường THPT: ..... Môn  
chuyên: .....

7. Năm tốt nghiệp THPT .....

8. Năm đoạt giải HSG cấp tỉnh (nếu có): .....

9. Môn đoạt giải

|  |
|--|
|  |
|--|

Môn đoạt giải

|  |
|--|
|  |
|--|

Loại giải

10. Điểm TB 03 năm học THPT: Lớp 10  Lớp 11  Lớp 12

11. Đăng ký xét tuyển thăng vào ngành học:

| Số TT | Mã trường<br>(chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/<br>Nhóm ngành |
|-------|---------------------------|---------------------|--------------------------|
| 1     |                           |                     |                          |
| 2     |                           |                     |                          |
| 3     |                           |                     |                          |
| 4     |                           |                     |                          |
| 5     |                           |                     |                          |
| ...   |                           |                     |                          |
| ...   |                           |                     |                          |

12. Địa chỉ báo tin: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường ..... đã khai đúng sự thật.

Ngày ..... tháng ..... năm 2018

Chữ ký của thí sinh

Ngày ..... tháng ..... năm 2018

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6:

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN  
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018**

Ảnh  
4 x 6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....

Giới (nữ ghi 1, nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

Ngày

tháng

năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi):.....Email:.....

5. Nơi sinh (ghi tỉnh, thành phố): .....

6. Môn đoạt giải:..... Loại giải, huy chương:.....

7. Năm đoạt giải:.....

8. Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển (như hồ sơ đăng ký dự thi)

| Số TT | Mã trường<br>(chữ in hoa) | Mã ngành/nhóm ngành | Tên ngành/nhóm ngành |
|-------|---------------------------|---------------------|----------------------|
| 1     |                           |                     |                      |
| 2     |                           |                     |                      |
| 3     |                           |                     |                      |
| 4     |                           |                     |                      |
| 5     |                           |                     |                      |
| ...   |                           |                     |                      |
| ...   |                           |                     |                      |

10. Địa chỉ báo tin:.....

..... Điện thoại (nếu có): .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường

.....đã khai đúng sự thật.

Ngày ..... tháng ..... năm 2018

**Hiệu trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ..... tháng ..... năm 2018

**Chữ ký của thí sinh**

ĐAV

Phụ lục 7:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày      tháng      năm 201

Kính gửi: Trường.....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ NĂM 201..  
VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..**

| Số<br>TT | Họ và Tên    | Số<br>CMND | Giới<br>tính | Ngày<br>sinh | Năm tốt<br>nghiệp<br>THPT | Đăng ký xét<br>tuyển thẳng |             | Năm<br>đoạt<br>giải | Môn<br>đoạt giải | Loại giải,<br>huy<br>chương | Tham dự kì<br>thi chọn đội<br>tuyển quốc<br>gia dự thi<br>Olympic<br>Quốc tế môn | Ghi chú |
|----------|--------------|------------|--------------|--------------|---------------------------|----------------------------|-------------|---------------------|------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------|
|          |              |            |              |              |                           | Ký hiệu<br>trường          | Mã<br>ngành |                     |                  |                             |                                                                                  |         |
| (1)      | (2)          | (3)        | (4)          | (5)          | (6)                       | (7)                        | (8)         | (9)                 | (10)             | (11)                        | (12)                                                                             | (13)    |
| 01       | Nguyễn Văn A |            | X            |              | 2018                      | BKA                        | .....       |                     | Toán học         | HC vàng                     | Toán                                                                             |         |
|          |              |            |              |              |                           |                            |             |                     |                  |                             |                                                                                  |         |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 8:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày      tháng      năm 201

Kính gửi: Trường:.....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..**

| Số TT | Họ và Tên     | Số CMND | Giới tính | Ngày sinh | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký xét tuyển thăng |          | Năm đoạt giải | Lĩnh vực đoạt giải  | Loại giải, huy chương | Tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật Quốc tế lĩnh vực | Ghi chú |
|-------|---------------|---------|-----------|-----------|---------------------|-------------------------|----------|---------------|---------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|       |               |         |           |           |                     | Ký hiệu trường          | Mã ngành |               |                     |                       |                                                     |         |
| (1)   | (2)           | (3)     | (4)       | (5)       | (6)                 | (7)                     | (8)      | (9)           | (10)                | (11)                  | (12)                                                | (13)    |
| 01    | Nguyễn Văn X. |         | X         |           | 2018                | BKA                     | .....    |               | Khoa học môi trường | HC vàng               | Toán                                                |         |
|       |               |         |           |           |                     |                         |          |               |                     |                       |                                                     |         |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 9:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày      tháng      năm 201

Kính gửi: Trường.....

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201.. (30a)**

| Số TT | Họ và Tên   | Số CMND | Giới tính | Ngày sinh | Hộ khẩu thường trú | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký xét tuyển thăng |          | Mã tỉnh và mã trường nơi học THPT hoặc tương đương |        |        | Học lực |        |        | Ghi chú |
|-------|-------------|---------|-----------|-----------|--------------------|---------------------|-------------------------|----------|----------------------------------------------------|--------|--------|---------|--------|--------|---------|
|       |             |         |           |           |                    |                     | Ký hiệu trường          | Mã ngành | Lớp 10                                             | Lớp 11 | Lớp 12 | Lớp 10  | Lớp 11 | Lớp 12 |         |
| (1)   | (2)         | (3)     | (4)       | (5)       | (6)                | (7)                 | (8)                     | (9)      | (10)                                               | (11)   | (12)   | (13)    | (14)   | (15)   | (16)    |
| 01    | Trần Thị T. |         | X         |           |                    | 2018                | XDA                     |          |                                                    |        |        |         |        |        |         |
|       |             |         |           |           |                    |                     |                         |          |                                                    |        |        |         |        |        |         |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Danh sách này gửi về trường thí sinh đăng ký xét tuyển.
- Danh sách này lập đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ và 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam bộ.

Phụ lục 10:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày      tháng      năm 201

Kính gửi: Trường:.....

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..**

| Số<br>TT | Họ và Tên     | Số<br>CMND | Giới tính | Ngày<br>sinh | Năm<br>tốt<br>nghệp<br>THPT | Đăng ký ưu tiên<br>xét tuyển |             | Năm<br>đạt<br>giải | Môn đoạt<br>giải | Loại giải,<br>huy<br>chương | Ghi chú |
|----------|---------------|------------|-----------|--------------|-----------------------------|------------------------------|-------------|--------------------|------------------|-----------------------------|---------|
|          |               |            |           |              |                             | Ký<br>hiệu<br>trường         | Mã<br>ngành |                    |                  |                             |         |
| (1)      | (2)           | (3)        | (4)       | (5)          | (6)                         | (7)                          | (8)         | (9)                | (10)             | (11)                        | (12)    |
| 01       | Nguyễn Văn X. | X          |           |              | 2018                        | BKA                          | .....       |                    | Toán             | HC vàng                     |         |
|          |               |            |           |              |                             |                              |             |                    |                  |                             |         |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

Bar